

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VGROUP TOÀN CẦU**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VGROUP TOÀN CẦU

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VGROUP GLOBAL INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: VGROUP INVEST.,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107102759

**3. Ngày thành lập:** 12/11/2015

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 4/31 Nguyễn Ngọc Vũ, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0911863889

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Mã ngành |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện                                                                                                                                                                                                                      | 2710     |
| 2.  | Sản xuất pin và ắc quy                                                                                                                                                                                                                                                                              | 2720     |
| 3.  | Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học                                                                                                                                                                                                                                                                 | 2731     |
| 4.  | Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác                                                                                                                                                                                                                                                              | 2732     |
| 5.  | Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại                                                                                                                                                                                                                                                             | 2733     |
| 6.  | Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng                                                                                                                                                                                                                                                                   | 2740     |
| 7.  | Sản xuất đồ điện dân dụng                                                                                                                                                                                                                                                                           | 2750     |
| 8.  | Sản xuất thiết bị điện khác                                                                                                                                                                                                                                                                         | 2790     |
| 9.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn xi măng<br>- Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi<br>- Bán buôn sơn, véc ni<br>- Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh<br>- Bán buôn đồ ngũ kim<br>- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng | 4663     |
| 10. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                | 4752     |
| 11. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                             | 4759     |
| 12. | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4100     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                     |                                                                     |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|
| 13. | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                                                                                                                                           | 4210                                                                |
| 14. | Xây dựng công trình công ích                                                                                                                                                                                                        | 4220                                                                |
| 15. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                          | 4290                                                                |
| 16. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                              | 4311                                                                |
| 17. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                   | 4312                                                                |
| 18. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                               | 4321                                                                |
| 19. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                     | 4322                                                                |
| 20. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                      | 4329                                                                |
| 21. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                      | 4330                                                                |
| 22. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                 | 4390                                                                |
| 23. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                                                                                  | 4649                                                                |
| 24. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                 | 4651                                                                |
| 25. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                  | 4652                                                                |
| 26. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                              | 4653                                                                |
| 27. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                                     | 4659                                                                |
| 28. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Hỗ trợ phát triển thị trường, cung cấp thông tin<br>- Hỗ trợ nghiên cứu và phát triển<br>- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh | 8299(Chính)                                                         |
| 29. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết:<br>- Tư vấn bất động sản                                                                                                                             | 6820                                                                |
| 30. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết:<br>- Thiết kế kiến trúc công trình, thiết kế nội ngoại thất công trình                                                                                             | 7110                                                                |
| 31. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động trang trí nội thất                                                                                                                                                       | 7410                                                                |
| 32. | (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động khi đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)                                                                                        | <i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i> |

**6. Vốn điều lệ:** 56.000.000.000 VNĐ  
**Mệnh giá cổ phần:** 100.000 VNĐ/Cổ phần

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông        | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                            | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|--------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | PHẠM ĐĂNG MINH PHÚ | Số 89, Tổ 19, Khu 6 Đường Quang Trung, Phường Quang Trung, Thành phố Uông Bí, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam         | Cổ phần phổ thông | 140.000    | 14.000.000.000        | 25        | 100713687                                                                                   |         |
|     |                    |                                                                                                                 | Tổng số           | 140.000    | 14.000.000.000        | 25        |                                                                                             |         |
|     |                    |                                                                                                                 |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | NGUYỄN MINH HẢI    | Số 225, phố Khâm Thiên, Phường Khâm Thiên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                             | Cổ phần phổ thông | 112.000    | 11.200.000.000        | 20        | 012263536                                                                                   |         |
|     |                    |                                                                                                                 | Tổng số           | 112.000    | 11.200.000.000        | 20        |                                                                                             |         |
|     |                    |                                                                                                                 |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | VŨ CÔNG BẰNG       | Số 14, Ngõ 77, Tổ 19, Khu 6 Đường Quang Trung, Phường Quang Trung, Thành phố Uông Bí, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 112.000    | 11.200.000.000        | 20        | 100774994                                                                                   |         |
|     |                    |                                                                                                                 | Tổng số           | 112.000    | 11.200.000.000        | 20        |                                                                                             |         |
|     |                    |                                                                                                                 |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 4   | NGUYỄN HOÀNG       | Số 14 đường Lý Tự Trọng, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam                        | Cổ phần phổ thông | 196.000    | 19.600.000.000        | 35        | B7018262                                                                                    |         |
|     |                    |                                                                                                                 | Tổng số           | 196.000    | 19.600.000.000        | 35        |                                                                                             |         |
|     |                    |                                                                                                                 |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                         |           |                                                                                                               |         |

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên: PHẠM ĐẶNG MINH PHÚ

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Ngày sinh: 09/06/1981

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 100713687

Ngày cấp: 30/03/2015

Nơi cấp: Công an tỉnh Quảng Ninh

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số 89, Tổ 19, Khu 6 Đường Quang Trung, Phường Quang Trung, Thành phố Uông Bí, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại:

Số 4/31 Nguyễn Ngọc Vũ, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội